

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 28-3-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phúc An Hoành,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng,

2. Bà Trần Thị Hường.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ trụ sở chính: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình P, chức vụ giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh T; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:*

- Bà Hà Thị Thu H, sinh năm 1986;

- Ông Phạm Trung K, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ R (nay là tổ dân phố T), thị trấn V, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, bà H và ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh T do ông Vũ Đình P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 Quyết định về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo. Ngày 28/9/2015 bà Hà Thị Thu H được Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội cựu chiến binh R (nay là tổ T), thị trấn V, huyện Chiêm Hóa bình xét cho vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo để thực hiện phương án chăn nuôi lợn nái sinh sản, ngày 08/10/2015, hộ bà Hà Thị Thu H đã được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C xác nhận hộ mới thoát nghèo và đủ điều kiện để vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ngày 12/10/2015 bà Hà Thị Thu H đã ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C vay số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) với mục đích vay vốn là chăn nuôi lợn nái sinh sản, thời hạn vay là 24 tháng (hạn trả cuối cùng là ngày 12/10/2017), lãi suất là 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,89375%/tháng theo Sổ vay vốn mã khách hàng 230001972....

Theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội thì khoản vay của hộ gia đình bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K định kỳ trả gốc là 12 tháng với số tiền gốc mỗi kỳ là 20.000.000 đồng kèm theo lãi phát sinh hàng tháng và hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/10/2017. Khi đến hạn trả nợ thì hộ gia đình bà H và ông K gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan nên đã được Ngân hàng cho phép gia hạn nợ đến ngày 12/11/2018. Tuy nhiên đến nay hộ gia đình bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K vẫn chưa thực hiện trả nợ theo nội dung ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn V và các đoàn thể của thị trấn V đến gia đình bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K để đôn đốc trả nợ món vay 40.000.000 đồng cho đến ngày 12/4/2019 bà Hà Thị Thu H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.000.000 đồng.

Ngày 16/10/2020 Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.337.152 (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 39.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/10/2020 là 6.337.152 đồng, là tiền lãi quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông K đã thanh toán tiếp tiền lãi được một phần cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Đến ngày 11/3/2021 bà H, ông K còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền nợ gốc 39.000.000 đồng và tiền lãi là 918.563 đồng.

Tại đơn xét xử vắng mặt và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/3/2022, Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T xác định đến thời điểm xét xử (ngày 28/3/2022) hộ gia đình bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K đã thanh toán được số tiền gốc là 5.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi suất. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ gia đình bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K phải thanh toán số tiền gốc là 34.000.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngày 12/10/2015.

Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K trình bày:

- *Biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2021, bà Hà Thị Thu H trình bày:* Ngày 12/10/2015, bà có thực hiện ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất 0,6875%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích vay vốn về chăn nuôi lợn nái sinh sản. Bà là người trực tiếp ký kết hợp đồng vay vốn và là người trực tiếp nhận số tiền vay trên của Ngân hàng. Việc vay vốn trên được sự thống nhất thỏa thuận của hai vợ chồng bà, ông Phạm Trung K ủy quyền cho bà là người đứng tên vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng (tại giấy ủy quyền ngày 28/9/2017 bà là người ký tên tại bên người được ủy quyền, ông Phạm Trung K trực tiếp ký, ghi rõ họ tên tại giấy ủy quyền ngày 28/9/2017). Quá trình vay vốn bà có trả cho Ngân hàng được 1.000.000 đồng tiền gốc. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.337.152 đồng, trong đó: Nợ gốc là 39.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/10/2020 là 6.337.152 đồng, bà nhất trí và đề nghị Ngân hàng Chính sách cho bà được trả nợ dần.

- *Biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2022 ông Phạm Trung K trình bày:* Ông là chồng của bà Hà Thị Thu H, năm 2015 do có nhu cầu chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình nên ông và bà H thống nhất vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền 40.000.000 đồng, vay ngày 12/10/2015, mục đích vay về chăn nuôi lợn nái sinh sản, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 0,68%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,89%/tháng. Xác định ngày 28/9/2017 ông có ký giấy ủy quyền cho bà H đại diện gia đình ông đứng tên thực hiện các giao dịch với Ngân hàng. Do điều kiện khó khăn nên ông và bà H chưa trả khoản nợ trên cho Ngân hàng, nên ngày 04/10/2017 Ngân hàng đã gia hạn món vay trên cho gia đình đến cuối năm 2018, nhưng đến nay gia đình vẫn chưa có tiền trả cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T yêu cầu ông và bà H phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 45.337.152 đồng, trong đó: Nợ gốc là

39.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/10/2020 là 6.337.152 đồng ông nhất trí trả khoản nợ trên như Ngân hàng yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà Hà Thị Thu H, ông Phạm Trung K đều có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án (công khai tiếp cận chứng cứ, hòa giải, khi xét xử). Bà H, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xử vắng mặt và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/3/2022 Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T xác định: Đến thời điểm ngày 28/3/2022, bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Văn K đã thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc; số dư nợ hiện tại là 34.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, Ngân hàng Chính sách xã hội rút toàn bộ yêu cầu đối với phần lãi suất và rút một phần yêu cầu đối với phần nợ gốc. Chỉ yêu cầu bà H, ông K cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 34.000.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo sổ vay vốn mã khách hàng số 2300019722 ngày 12/10/2015 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội đối với bà H, ông K cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 147, 227, 228, 238, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 290, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội do Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh T đại diện. Buộc bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K phải liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T tổng số tiền 34.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh, trong đó:

Bà Hà Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán số tiền 17.000.000 đồng; ông Phạm Trung K có trách nhiệm thanh toán số tiền 17.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 6.337.152 của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T.

- Về án phí: Bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.700.000.000 đồng; chia ra bà Hà Thị Thu H phải chịu số tiền án phí là 850.000 đồng, ông Phạm Trung K phải chịu số tiền án phí là 850.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Sổ vay vốn mã khách hàng 230001972... ngày 12/10/2015. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng)*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và các bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu do Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T cung cấp và lời khai của các bị đơn xác định ngày 12/10/2015 hộ gia đình bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K có ký kết vay vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T với số tiền vay là 40.000.000 đồng theo sổ vay vốn có mã khách hàng 230001972..., với mục đích vay vốn là chăn nuôi lợn nái sinh sản, thời hạn vay là 24 tháng (hạn trả cuối cùng là ngày 12/10/2017), lãi suất là 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,89375%/tháng. Khoản vay trên bà H và ông K phải định kỳ trả gốc là 12 tháng với số tiền gốc mỗi kỳ là 20.000.000 đồng kèm theo lãi phát sinh hàng

tháng và hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/10/2017. Khi đến hạn trả nợ thì hộ gia đình bà H và ông K gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan nên đã được Ngân hàng cho phép gia hạn nợ đến ngày 12/11/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, do bà H và ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo đúng thỏa thuận quy định trong hợp đồng vay đã được hai bên ký kết.

Như vậy tính đến ngày 16/10/2020 bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K còn nợ Ngân hàng như sau: Nợ gốc 39.000.000 đồng và nợ lãi là 6.337.152 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày 11/3/2022 thanh toán tiếp được 5.418.589 đồng tiền lãi, còn nợ lại 39.000.000 đồng tiền gốc và 918.563 đồng tiền lãi. Do đó, có căn cứ xác định bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xử vắng mặt ngày 28/3/2022, Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông K thanh toán số nợ gốc còn lại theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 230001972... ký ngày 12/10.2015 là 34.000.000 đồng. Rút toàn bộ tiền lãi và một phần tiền gốc 5.000.000 đồng do bà H và ông K đã thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ gốc được thể hiện trong Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, Sổ lưu từ rời theo rõ cho vay - thu nợ - dư nợ, Giấy đề nghị gia hạn nợ. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, cần đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi mà Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C đã yêu cầu đối với các bị đơn bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bà H và ông K phải liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 34.000.000 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T, trong đó chia trách nhiệm bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ trách nhiệm, tương ứng với số tiền là 17.000.000 đồng.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định (tương ứng với phần trách nhiệm phải thanh toán nợ).

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 290, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K. Buộc bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T số tiền gốc theo Hợp đồng vay vốn mã khách hàng số 230001972... ngày 12/10/2015 số tiền là 34.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, trong đó:

- Bà Hà Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán số tiền 17.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh.

- Ông Phạm Trung K có trách nhiệm thanh toán số tiền 17.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 12/10/2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh T đối về số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 6.337.152 đồng đối với bị đơn bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K.

3. Về án phí: Bà Hà Thị Thu H và ông Phạm Trung K phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.700.000.000 đồng; trong đó: Bà Hà Thị Thu H phải chịu số tiền án phí là 850.000 đồng; ông Phạm Trung K phải chịu số tiền án phí là 850.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật Thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành